TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2019
V/v: Ly hôn giữa chị Th và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Khương

2. Bà Huỳnh Phương Lan

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-8-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 1995, chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phan Thanh T quen biết và tiến tới hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc như xưa, chị Th và anh T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị Th và anh T có 01 người con chung tên Phan Thị Thủy T, sinh năm 1995, nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Thanh T trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị Th về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung; về tài sản chung và nợ chung không có là đúng.

Nay chị Th xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Hiện nay cháu Phan Thị Thủy T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 05-8-2019 chị Nguyễn Thị Thu Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phan Thanh T. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phan Thanh T chung sống với nhau vào năm 1995 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó, không công nhận chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phan Thanh T là vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phan Thanh T có 01 người con chung tên Phan Thị Thủy T, sinh năm 1995, nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phan Thanh T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thu Th là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phan Thanh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phan Thanh T có 01 người con chung tên Phan Thị Thủy T, sinh năm 1995, nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phan Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng nhưng chị Th được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005104 ngày 07-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Th không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Phan Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân